ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3112 /QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính Phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4755/STC-QLG&TCĐĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý khai thác, thụ hưởng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Giá dịch vụ thủy lợi đối với diện tích đất trồng lúa, nuôi trồng thủy sản được cung ứng dịch vụ tiêu thoát nước, ngăn triều cường, ngăn mặn, giữ ngọt tạo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cụ thể như sau:

a) Vụ Đông Xuân: giá cụ thể bằng 20% mức tưới trọng lực của Biểu giá cụ thể dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Vụ Hè Thu: giá cụ thể bằng 30% mức tưới trọng lực của Biểu giá cụ thể dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

1. Khi thu tiền cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, các đơn vị lập sử dụng hóa đơn cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định.

2. Nguồn thu từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phần còn lại được để lại đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã và thành phố Huế phối hợp các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thống kê diện tích, xác định, phân loại vùng và biện pháp công trình để triển khai đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn và áp dụng mức thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; kiểm tra việc thực hiện công tác thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; lập phương án điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho phù hợp với tình hình thực tế theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án, dự toán, điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân có sử dụng dịch vụ thủy lợi làm cơ sở cho việc thu giá dịch vụ thủy lợi.

4. Dự toán kinh phí dịch vụ thủy lợi tiêu thoát nước, ngăn triều cường, ngăn mặn, giữ ngọt tạo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp được lập và khấu trừ trong dự toán kinh phí Nhà nước hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của các đơn vị, địa phương.

5. Các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phải thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá, tổ chức thực hiện thu theo quy định pháp luật về giá.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã, thành phố Huế; Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN, TC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương